

An Giang, ngày 17 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Số: 14667
Ngày: 28/4/2026
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh An Giang

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông KTC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600886670 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 20/3/2007. Cấp thay đổi lần 10 ngày 11/3/2022

Địa chỉ: số T8 – T9 Phan Văn Trị, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 3955 980 – 3955 981 – 2241 267

Mã số thuế: 1600886670

Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 17025:2017

2. Thông tin Phòng thí nghiệm:

Địa chỉ: số T8 – T9 Phan Văn Trị, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 2241 268

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật chính xác 1g ±0.0005g, đồng hồ bấm giây, bình Le chatelier, nhiệt kế, bể ổn nhiệt	Trương Đình Bộ
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11	Khuôn 40x40x160mm, bàn dẫn, máy trộn, máy thử độ bền uốn, máy nén, tủ dưỡng hồ, cân kỹ thuật chính xác 1g, đồng hồ bấm giây	Nguyễn Thanh Hiệp

3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:2012	Cân kỹ thuật chính xác 1g, đồng hồ bấm giây, ống đong có vạch chia, máy trộn, thước ±5mm, bộ Vicat Dụng cụ Le Chatelier, thùng luộc mẫu, tủ dưỡng hồ	Nguyễn Phước Duy
4	Xác định giới hạn bền nén theo phương pháp nhanh	TCVN 3736:87	Khuôn mẫu, máy trộn vữa, bàn dằn, chày đầm, tủ chung hơi nước, máy nén, tấm thép đệm mặt trên dưới	Nguyễn Thanh Hiệp
THỬ NGHIỆM HỖ HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ thiết bị Côn thử độ sụt và các dụng cụ hỗ trợ	Trương Đình Bộ Nguyễn Phước Duy
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy 300 ^o c (±1 °C), sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.	
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), tủ sấy 3000c (±1 oC), khăn lau, bàn chải, đá mài.	
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm	
9	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm HS -40 đồng hồ áp (0-4MPa), bàn chải sắt, paraffin, bếp ga, giá ép mẫu	
10	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén 2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải	
11	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93	Máy nén 2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn	
12	Thiết kế cấp phối BTXM	Chỉ dẫn kỹ thuật tại Quyết định số 778/1998/QĐ-BXD	Cân kỹ thuật, bộ sàng, thùng rửa cốt liệu, thùng đong, bình khối lượng riêng, bộ côn đo độ sụt, máy trộn bê tông , khuôn đúc mẫu, máy nén bê tông.	
THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
13	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:06	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Bộ sàng tiêu chuẩn, Máy lắc sàng, Tủ sấy (105 ± 5)°C	Nguyễn Phước Duy Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
14	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:06	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Tủ sấy, Bình dung tích, Thùng ngâm mẫu, Cân thử độ sụt của cốt liệu, Dụng cụ hình nón 40mm, đường kính lớn 90mm, chiều cao 75mm, Phễu, Que chọc, Bình hút ẩm, Sàng cỡ kích thước mắt sàng 5mm và 0,140mm	
15	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	Cân kỹ thuật chính xác 0,01g, Cân thủy tinh chính xác 1%, và có giỏ đựng mẫu, Thước kẹp, Tủ sấy (105 ± 5)°C	
16	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:06	Thùng đong, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300 ^o C/1 °C, thước lá kim loại.	

17	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, hộp đựng mẫu.
18	Xác định hàm lượng bùn, bụi sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.
19	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	Bản màu chuẩn so sánh, ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.
20	Xác định độ cứng và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	Máy khoan, máy thử nén, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu
21	Xác định độ nén đập trong xylanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	Máy thử nén, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1.25mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, thùng ngâm mẫu.
22	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy L.A	TCVN 7572-12:06	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, máy quay mài mòn Los Angeles.
23	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	Cân kỹ thuật 30kg/1g, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$
24	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic	TCVN 7572-14:06	Cân kỹ thuật phân tích $d=0.0001g$, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, lò nung $1000^{\circ}C/1^{\circ}C$, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ, hóa chất phù hợp
25	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:06	Cân kỹ thuật phân tích $d=0.0001g$, Cân kỹ thuật có độ chính xác $d = 0.1g$, tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF, NaOH,
26	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám đĩa thủy tinh.
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
28	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23	Cân kỹ thuật (0,01g); Cân kỹ thuật (0,1g); Bình tỷ trọng 1000ml; Tủ sấy; Sàng có lưới N ^o 2 (2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chày sứ, phễu, cốc nhỏ có nắp
29	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216-19	Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Sàng 1 mm; Bình hút ẩm có Canxi clorua; cối chày sứ, khay

160
 CÔI
 VẤN
 HẠO
 K
 XUY

30	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1	Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Sàng 1 mm; Tấm kính nhám, chùy xuyên Vaxiliep, dụng cụ Casagrande; khuôn; tấm kính nhám; sàng 1.0mm; Hộp, cối chày sứ, dao...	Nguyễn Thanh Hiệp Nguyễn Phú Thạnh
31	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; ASTM D6913/D6913M-17; ASTM D7928-21e1	Bộ sàng; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình hút ẩm, cối chày sứ, bình phun tia...Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	
32	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080/D3080M-23	Máy cắt phẳng; Hộp cắt mẫu; Vòng lục 1, đồng hồ so 0-10mm; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Dao vòng, thước, tấm kính...	
33	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-11(2020)	Máy nén tam liên; Đồng hồ so 0-10mm, Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Dao vòng, dao gạt đất, thước, tấm kính...	
34	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C), hộp nhôm	
35	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng): PP dao vòng	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Dao cắt gạt; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,1g); Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	
36	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong PTN	22TCN 332:2006	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 50;19;4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm băng mặt mẫu	
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG				
37	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, (ISO 6892-1)	Máy thử độ bền kéo nén, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	Trương Đình Bộ Nguyễn Phước Duy
38	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy thử độ bền kéo nén; bộ gối uốn	
39	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	
40	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy thử độ bền kéo nén, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thước thép	
41	Thử kéo bulon	TCVN 198:2008	Máy thử độ bền kéo nén	
42	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018	Thiết bị Gông từ MT-X2, bột từ	

43	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN			
44	Độ mài mòn	TCVN 6065:95	Máy mài mòn	Nguyễn Phước Duy
45	Độ hút nước	TCVN 6065:95	Thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật	
46	Độ chịu lực xung kích	TCVN 6065:95	Viên bi sắt hình cầu có đường kính 30mm, thước ống dài 1000mm	
47	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:95	Đầu chìa khóa đồng (loại chìa đầu không sắt góc)	
BÊ TÔNG NHỰA				
48	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bộ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Nguyễn Phú Thạnh Nguyễn Thanh Hiệp
49	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đồng, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	
50	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	
51	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.	
52	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...	
53	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, các dụng cụ hỗ trợ. . . .	
54	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau...	
55	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Bộ máy nén Marshall, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt (60°C và 25°C), lò sấy/bếp đun, cân kỹ thuật, thước kẹp, bình hút chân không, và thiết bị đầm Marshall	
56	Thí nghiệm vệt hằn bánh xe	TCVN 13567-1:2022	Cân có độ chính xác là 0,1 g, tủ sấy các thiết bị dụng cụ hỗ trợ Cụm T/bí thử nghiệm vệt hằn bánh	

			xe, máy trộn BTN, máy đầm lăn tạo mẫu, hệ thống kiểm soát nhiệt độ, hệ thống đo biến dạng, thiết bị đếm số lần tác dụng của bánh xe tải	
57	Thiết kế cấp phối BTNN	TCVN 8820:2011; TCVN 13567-1:2022	máy đầm Marshall (tự động/cầm tay), khuôn đầm, tủ sấy, cân điện tử, máy trộn bê tông nhựa, bể ổn định nhiệt, và thiết bị nén Marshall để đo độ ổn định và độ dẻo	Nguyễn Thanh Hiệp
NHỰA BITUM				
58	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu	TCVN 7494:2005	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa, lon	
59	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyên tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	
60	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	
61	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, Glyxerin, Etylen glycol chất bôi trơn...	
62	Xác định nhiệt độ bắt lửa (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hở Cleveland (thủ công), thiết bị cốc hở Cleveland (tự động), dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	Nguyễn Thanh Hiệp
63	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu...	Trương Đình Bộ Lê Thành Luân
64	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, bình Erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích...	
65	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá...	
66	Xác định độ nhớt động lực ở 60°C	TCVN 7502:2005	Nhớt kế, nhớt kế Cannon-Fenke, nhớt kế Zeitfuch, nhớt kế Lantz-Zeitfuch, nhớt kế BS chữ U, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian, các dụng cụ điện tử đo thời gian...	
67	Xác định hàm lượng paraphin	TCVN 7503:2005	Máy đo hàm lượng paraphin, tủ sấy 300°C/1°C, nhiệt kế, bình chưng cất, Cân kỹ thuật 300g/0.01g	

68	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 6920x40mm...	
THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
69	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ	Nguyễn Phước Duy Trương Đình Bộ
70	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03	Cân kỹ thuật, khuôn thể tích	
71	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03	Khâu đưng vữa, kim đâm xuyên làm bằng đồng hoặc thép không rỉ, vòng điem có đường kính ngoài 20mm, cơ cấu đòn bẩy, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, tủ dưỡng hộ mẫu, bay chào.	
72	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03	Cân kỹ thuật, tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ, thước kẹp cân, cân thủy tinh.	
73	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03	Máy nén uốn, khuôn mẫu, thiết bị bảo dưỡng tủ giữ ẩm mẫu, thước kẹp điện tử, cân điện tử.	
74	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, dụng cụ bảo dưỡng mẫu.	
75	Thiết kế cấp phối vữa xi măng	Theo hướng dẫn tại Công văn số 1329/BXD-VP	Cân kỹ thuật, bộ sàng, thùng rửa cốt liệu, thùng đong, bình khối lượng riêng, máy trộn vữa, khuôn đúc mẫu, máy nén bê tông.	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY				
76	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước thép, thước kẹp.	Nguyễn Phước Duy Nguyễn Phú Thạnh
77	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén 300kN, thước kim loại, các miếng kính, bay, chào, máy cắt.	
78	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén + bộ gối uốn, thước kim loại, các miếng kính, bay, chào.	
79	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy 300°C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	
80	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy 300°C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	
81	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300°C/1°C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...	
THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK BÊ TÔNG (GẠCH KHÔNG NUNG)				

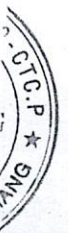
86 / T / 2011 / 11

82	Xác định kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thanh
83	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Máy nén TYA 300kN, bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chèo	
84	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Cân kỹ thuật thước đo, cát khô	
85	Xác định độ thấm nước của gạch bê tông	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử thấm, tủ sấy đến 300°C (±1 °C), cân kỹ thuật 30kg (1g)	
86	Xác định độ hút nước của gạch bê tông	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy đến 300°C (±1 °C) , cân kỹ thuật 30kg(1g).	
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG				
87	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích có độ chính xác (0,0001g), Tủ sấy 300°C (±1 °C), lò nung 1000°C, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	Nguyễn Phú Thanh Lê Thành Luân
88	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích có độ chính xác (0,0001g), Tủ sấy 300°C (±1 °C), lò nung 1000°C, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	
89	Độ pH của nước	TCVN 6492:2011	Bút thử pH (HANNA) (0-14pH), độ chính xác ± 0,1pH) hay máy xác định độ pH, dung dịch hiệu chuẩn độ pH trước khi đo	
90	Xác định hàm lượng ion Clorua (Clo)	TCVN 6194:1996	Phễu lọc thủy tinh 30ml, cân phân tích 220g (0.0001g), ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị kali cromat, HCl, NaOH, CaCO ₃ hoặc NaHCO ₃	
91	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200 :1996 ASTM D 516 - 22	Phễu lọc thủy tinh 30ml, cân phân tích 220g (0.0001g), ống nghiệm, Buret dung tích 25ml, thuốc thử : AgNO ₃ , chất chỉ thị metyl da cam, HN0 ₃ , NaOH, C ₂ H ₅ OH Na ₂ CO ₃	
92	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:1988	Ống nghiệm có chiều dài từ 150÷200mm, bình đong dung tích 100ml và 1000ml, Buret dung tích 5ml, 10ml.	
93	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3:00	Cân phân tích có độ chính xác (0,0001g), Tủ sấy 300°C (±1 °C), lò nung 1000°C, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, chén bạch kim, giấy lọc không tro, phễu lọc.	
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT				
94	Xác định kích thước và hình dáng	TCVN 6415-2:05	Thước calip hoặc dụng cụ thích hợp để đo chiều dài	

95	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:05	Tủ sấy, Thiết bị gia nhiệt, Nguồn nhiệt, Cân, Nước cất hoặc nước đã khử ion, Bình hút ẩm, Khăn ẩm. Vòng lưới, giá đựng, hoặc giỏ, để chứa mẫu ngâm trong nước khi cân thủy tinh, Cốc thủy tinh, Bình chân không và hệ thống hút chân không.	Nguyễn Phước Duy Lê Thành Luân
96	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:05	Tủ sấy, Đồng hồ đo áp lực tự ghi, có độ chính xác 2,0 %, Hai thanh đỡ hình trụ, làm bằng kim loại, phần tiếp xúc với mẫu thử được bọc cao su có độ cứng (50 ± 5) IRHD xác định theo ISO 48, Thanh hình trụ ở giữa, có kích thước giống như hai thanh đỡ và cũng được bọc cao su tương tự, để truyền tải trọng F. Thanh trụ này cũng có thể xoay nhẹ	
97	Xác định độ va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:05	Bi thép crôm, đường kính (19 ± 0,05) mm, Thiết bị thả rơi bi, Dụng cụ điện tử đo thời gian	
98	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:05	Thiết bị mài, Dụng cụ đo, chính xác đến 0,1 mm, Vật liệu mài, Nhôm oxit trắng cỡ hạt F 80 nung chảy, theo ISO 8486-1	
99	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:05	Thiết bị mài mòn, Thiết bị đánh giá bằng mắt thường, Tủ sấy, hoạt động được ở nhiệt độ (110 ± 5) °C, tủ sấy, cân	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG NHẸ (GẠCH BT BỌT KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP)				
100	Xác định kích thước	TCVN 9030:11	Thước lá kim loại đo độ dài có vạch chia đến 1mm	Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
101	Xác định độ vuông góc	TCVN 9030:11	Thước ke vuông, thước lá kim loại	
102	Xác định độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt	TCVN 9030:11	Thước thẳng, bàn bằng phẳng, bộ thước lá	
103	Xác định khối lượng thể tích khô; Cường độ nén; Độ co khô; Độ hút nước	TCVN 9030:11	Máy nén, tủ sấy, thước lá hoặc thước kẹp, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN (GẠCH TERAZZO)				
104	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99	Thước lá kim loại đo độ dài có vạch chia đến 1mm	Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
105	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99	Máy nén, thước cặp thước đo	
106	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99	Thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật	
107	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99	Máy mòn bề mặt(máy quay), thiết bị đo độ mài mòn, cân	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP				
108	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023	Máy kéo nén 100kN(d= 0.001 kN), thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, tủ sấy đến	

			300 ⁰ C/1 ⁰ C	
109	Xác định độ hút nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	Trương Đình Bộ Lê Thành Luân
110	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:2023	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, bình hút ẩm, bình hút chân không, bể ngâm mẫu.	
111	Xác định khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Khung thử nghiệm, Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 ⁰ C/1 ⁰ C, Bể nước ngâm mẫu.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN				
112	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84	Kiểm tra bằng mắt thường	Nguyễn Thanh Hiệp Nguyễn Phú Thành
113	Thành phần hạt	22 TCN 58-84	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy và các dụng cụ hỗ trợ (bay, khay....)	
114	Hàm lượng nước	22 TCN 58-84	Bộ sàng, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, tủ sấy và các dụng cụ hỗ trợ (bay, khay....)	
115	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58-84	Bình tỷ trọng, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, tủ sấy, nước cất, thiết bị hút chân không.	
116	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ lọc, dụng cụ hòa tan, bếp, bình hút ẩm nước cất.	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT - BẮC THÂM				
117	Xác định cường độ kéo giật và độ giãn dài khi kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632/4632M-15a(2023)	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngâm kẹp	Nguyễn Thanh Hiệp Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thành
118	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533/4533M-15(2023)	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngâm kẹp	
119	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241-22; ISO 12236:2006	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngâm kẹp, đầu xuyên CBR	
120	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833/4833M-07(2020)	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngâm kẹp, đầu xuyên thủng thanh	
121	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011	Máy kháng bụi	
123	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:2011, TCVN 8486:2010	Cối định vị mẫu vải, máy lắc sàng, hạt thủy tinh	

124	Xác định cường độ khi kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngàm kẹp	Nguyễn Thanh Hiệp Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
125	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:2010	Máy thử kéo nén 50kN, bộ ngàm kẹp, thiết bị côn rơi	
126	Xác định hệ số thấm tại lưu lượng 100mm cột nước	TCVN 8487:2010	Cụm thiết bị thử nghiệm hệ số thấm, đồng hồ bấm dây, cân kỹ thuật	
127	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199	Bộ dụng cụ đo độ dày và đồng hồ thiên phân kế	
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ RỘ ĐÁ BỌC PVC				
128	Giới hạn bền kéo đứt lõi thép, độ giãn dài tương ứng	ASTM A730, BS EN10244-2	Máy thử kéo nén 50kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	Nguyễn Phú Thạnh Trương Đình Bộ
129	Đường kính dây viên, dây đan		Thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	
130	Lực căng vòng xoắn móc cáo	ASTM A975	Máy thử kéo nén 50kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	
131	Xác định cường độ và độ giãn dài khi kéo đứt lớp vỏ PVC	ASTM D 412 - 16(2021)	Máy thử kéo nén 50kN, thước kẹp điện tử 200mm/0.01mm	
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
132	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai (xác định độ chặt của đất tại hiện trường)	22TCN 02:71; TCVN 12791:2020, TCVN 8728:2012	Dao dai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	Nguyễn Thanh Hiệp Trương Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
133	Xác định độ chặt nền, móng trong lớp kết cấu bằng phễu rót cát	22TCN 346:06	Bộ thiết bị Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn, bộ cối đầm chày cải tiến	
134	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nôm đo khe hở, cọ quét	
135	Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 10mm	
136	Xác định mô đun đàn hồi của đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	
137	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Ổng đóng cát, bàn xoa cao su, cát chuẩn, thước đo bàn chải, bàn cân	
138	Đo điện trở nối đất	TCVN 9385:2012	Bộ thiết bị đo điện trở nối đất	



139	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012	Máy siêu âm bê tông, Thiết bị súng bật nảy	Nguyễn Thanh hiệp Trưởng Đình Bộ Nguyễn Phú Thạnh
140	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012	Hệ tấm ép phẳng, kích thủy lực, các đồng hồ thiên phân kế 50mm	
141	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Thiết bị súng bật nảy	
142	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ dầm chịu lực, bộ kích thủy lực, các đồng hồ thiên phân kế 50mm	
143	Cọc bê tông ly tâm dự ứng lực – thử uốn cọc	TCVN 7888:2014	Khung dàn công tác, kích thủy lực, đồng hồ đo lực	
144	Thử cột điện bê tông cốt thép ly tâm – Thử uốn	TCVN 5847:1994	Khung dàn công tác, kích thủy lực, đồng hồ đo lực	
145	Thử ống cống bê tông cốt thép ly tâm	TCVN 9113:2012	Khung dàn công tác, kích thủy lực, đồng hồ đo lực	
146	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thí nghiệm SPT)	TCVN 9365:2012	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (khoan KSDC)	
147	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573-08	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường (khoan KSDC)	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông KTC cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong bản công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong danh mục đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Công ty CP Tư vấn Xây dựng Giao thông KTC
Giám Đốc



Nguyễn Văn Minh